PHÒNG GD&ĐT HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG TIỂU HỌC SỐ 2 XÃ MƯỜNG PỒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 43/KH-THS2MP

Mường Pồn, ngày 15 tháng 8 năm 2023

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG
Năm học 2023-2024

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Căn cứ Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 18/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông bảo đảm chất lượng, hiệu quả, đúng lộ trình;

Căn cứ công văn số 3535/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 về Hướng dẫn thực hiện nội dung Hoạt động trải nghiệm cấp tiểu học trong Chương trình GDPT 2018 từ năm học 2020 – 2021; số 3536/BGDĐT- GDTH ngày 19/8/2019 về việc biên soạn, thẩm định nội dung giáo dục của địa phương cấp tiểu học trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và tổ chức thực hiện từ năm học 2020 - 2021; số 3799/BGDĐT-GDTH ngày 01/9/2021 về việc Hướng dẫn thực hiện kế hoạch giáo dục đối với lớp 5 đáp ứng yêu cầu Chương trình GDPT 2018; số 1315/BGDĐT-GDTH ngày 16/4/2020 về hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học;

Căn cứ công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học; số 909/BGDĐT-GDTH ngày 08/3/2023 về việc hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục STEM trong giáo dục Tiểu học; số 816/BGDĐT-GDTH ngày 09/3/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức dạy học Tiếng Anh và môn Tin học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp Tiểu học;

Căn cứ công văn của Sở Giáo dục và Đào tạo: số 833/SGDĐT-GDTH ngày 13/4/2022 về việc tổ chức dạy học môn Tiếng Anh và môn Tin học theo Chương trình GDPT 2018 cấp tiểu học; số 1720/SGDĐT-GDMT ngày 17/7/2023 về việc chuẩn bị các điều kiện phục vụ triển khai dạy học môn Tiếng Anh, Tin học lớp 4 Chương trình GDPT 2018; số 2028/SGDĐT-GDMT ngày 18/8/2023 về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2023-2024;

Căn cứ Quyết định số 2363/QĐ-UBND ngày 14/8/2023 của Uỷ ban nhân dân huyện Điện Biên ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2023-2024 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thườn g xuyên trên địa bàn huyện Điện Biên;

Căn cứ kế hoạch chiến lược giai đoạn 2020-2025 của nhà trường;

Trường tiểu học số 2 xã Mường Pồn xây dựng Kế hoạch giáo dục năm học 2023 - 2024 như sau:

II. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM HỌC 2023-2024

1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương

Mường Pồn là một trong các xã thuộc vùng đặc biệt khó khăn của huyện Điện Biên.Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chính sách quan tâm đầu tư xây dựng, nâng cấp về cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế, xã hội, đời sống nhân dân các dân tộc trên địa bàn xã đã được nâng lên. Nhận thức của người dân về vai trò, vị trí của giáo dục và xã hội hoá giáo dục đã có chuyển biến tích cực.

Địa bàn xã rộng, các thôn bản cách xa nhau, đường liên thôn bản đi lại còn khó khăn. Người dân sống chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, dịch vụ ngành nghề không có, tỉ lệ hộ nghèo, cận nghèo còn cao. Trình độ dân trí chưa đồng đều, tệ nạn xã hội vẫn còn, yếu tố văn hóa, tục lệ địa phương đa dạng, ảnh hưởng không nhỏ tới sự nghiệp phát triển giáo dục của nhà trường.

** Thuận lợi:*

Công tác giáo dục của nhà trường luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo của cấp ủy Đảng chính quyền địa phương, các ban ngành đoàn thể của xã, trong việc truyên truyền, vận động các nguồn lực để tu sửa cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy, đảm bảo điều kiện thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới 2018.

Nhà trường luôn nhận được sự thống nhất, đồng thuận của đa số cha mẹ học sinh trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh.

** Khó khăn:*

Một số học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn việc quan tâm chăm sóc con em của gia đình chưa thường xuyên

Nhu cầu học sinh về trung tâm học, ăn ở bán trú là lớn, nhưng cơ sở vật chất nhà trường có giới hạn (phòng ăn, phòng ở còn là nhà tạm).

2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2023- 2024

2.1. Đặc điểm học sinh của trường

Năm học 2023-2024 toàn trường có tổng số 11 lớp với số 239 học sinh, được phân bổ như sau:

Khối	Số lớp	TS HS	Nữ	Dân tộc	Nữ dân	HS diện chính sách	HS khuyết	Học sinh

					tộc	Tổng	Mồ côi	Hộ nghèo	Cận nghèo	tật	bán trú
1	2	40	20	40	20	23	0	18	5	0	4
2	3	53	31	53	31	31	0	22	9	2	5
3	2	61	35	59	34	28	3	18	7	1	36
4	2	46	23	44	22	24	0	16	8	1	27
5	2	39	20	38	19	23	4	13	6	0	26
Tổng	**11**	**239**	**129**	**234**	**126**	**129**	**7**	**87**	**35**	**4**	98

- 100% số lớp và số học sinh học 2 buổi/ngày.
- Sĩ số học sinh/lớp đảm bảo theo quy định; bình quân 21,7 học sinh/lớp.
- Tỉ lệ học sinh nữ chiếm 53,9%
- Tỉ lệ học sinh dân tộc chiếm 97,9%
- Tỉ lệ học sinh con hộ nghèo, cận nghèo: 54%

2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý

a. Về số lượng, trình độ đào tạo

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo					Ghi chú
				Th.sĩ	ĐH	CĐ	TC	Khác	
CBQL	2	2	0	2	0	0	0	0	
GV	19	12	14	0	17	1	1	0	
NV	2	1	1	0	1			1	
Tổng	23	15	15	2	18	1	1	1	

b. Về cơ cấu đội ngũ

- CBQL: 02, trong đó: Hiệu trưởng: 1; Phó hiệu trưởng 01;
- Tổng số giáo viên: 19, trong đó: Giáo viên tiểu học:13, tiếng Anh: 02, Âm nhạc 01, Thể dục: 01; Mỹ thuật: 01, Tin học: 01
- Tổng số nhân viên: 02; trong đó: Y tế: 01; bảo vệ: 01.

c. Về thuận lợi, khó khăn

** Thuận lợi*

- Về đội ngũ giáo viên:

Đội ngũ giáo viên trẻ, nhiệt tình năng động, có tinh thần đoàn kết cao.

Giáo viên có trình độ đạt chuẩn theo qui định của Luật Giáo dục 2019, chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, sáng tạo trong việc khai thác và ứng dụng công nghệ thông tin, linh hoạt đổi mới phương pháp dạy học nâng

cao chất lượng học sinh, cơ bản đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông mới 2018.

Giáo viên làm tốt công tác tư vấn, hỗ trợ học sinh trong quá trình dạy học và tổ chức các hoạt động giáo dục; Thường xuyên phối hợp với gia đình, xã hội để thực hiện tốt các hoạt động dạy học giáo dục học sinh.

Về đội ngũ nhân viên:

+ Thực hiện hiệu quả các công việc chuyên môn theo kế hoạch giáo dục nhà trường.

+ Lập kế hoạch công việc chuyên môn phù hợp với kế hoạch giáo dục nhà trường.

+ Phối hợp tốt với giáo viên, học sinh, nhân viên khác trong thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường.

- Về cán bộ quản lý:

+ Có đủ về số lượng, trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, có kinh nghiệm trong công tác quản trị nhà trường;

+ Có năng lực hỗ trợ, hướng dẫn đồng nghiệp trong công tác quản lí nhà trường và năng lực kết nối cộng đồng;

+ Quản trị tốt các nguồn lực trong nhà trường đáp ứng CTGDPT 2018.

* *Khó khăn*

- Về đội ngũ giáo viên:

Giáo viên còn hạn chế về trình độ ngoại ngữ. Một số ít giáo viên tuổi cao việc ứng dụng công nghệ thông tin chưa nhanh nhậy.

- Về đội ngũ nhân viên:

Nhân viên kế toán làm công tác kiêm nhiệm.

- Về cán bộ quản lý:

Việc sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp chưa thành thạo.

2.3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; điểm trường, lớp ghép; cơ sở vật chất thực hiện bán trú

**Thuận lợi:*

- Tổng số phòng học: 11 phòng, đảm bảo tỷ lệ 01 phòng học/lớp (Trung tâm: 8 phòng; điểm trường Tin Tốc: 01 phòng, điểm trường Huổi Chan 1: 01 phòng, điểm trường Huổi Chan 2: 01 phòng).

- Tổng số phòng học bộ môn: 03 phòng, trong đó: 01 phòng ngoại ngữ; 01 phòng Tin học; 01 phòng Nghệ thuật.

- Tổng số phòng chức năng: 06 phòng, trong đó: Phòng hiệu trưởng: 01; Phó hiệu trưởng: 01; Văn phòng: 01; Y tế: 01, Thư viện: 01; Thiết bị: 01.

- Thiết bị dạy học: Có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định. Ngoài ra nhà trường còn được trang bị một số thiết bị dạy học hiện đại phục vụ nhu cầu giáo dục và hoạt động.

+ Tổng số máy chiếu: 11 (cố định tại các phòng học, phòng học bộ môn; 02 máy di động).

+ Máy chiếu vật thể: 01

+ Tăng âm loa, đài: 02 bộ

- Nhà bếp: 01; Nhà ăn: 01. Phòng ở: 04; Nhà bếp, nhà ăn đủ chỗ cho 98 học sinh ăn, nghỉ bán trú.

- Trung tâm và 03 điểm trường lẻ đều có sân chơi, bãi tập đảm bảo tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường. Ba điểm trường đều đảm bảo điều kiện tổ chức dạy học lớp ghép 2 trình độ.

** Khó khăn:*

- Các phòng học tại điểm trường chưa có đủ các thiết bị hiện đại máy chiếu lắp cố định.

- Phòng ở của HS bán trú còn là phòng tạm, diện tích hạn chế.

3. Định hướng xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường

Thực hiện bảo đảm chất lượng, hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT- BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Chương trình giáo dục phổ thông 2018) đối với lớp 1, 2, 3, 4 và Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ- BGDĐT ngày 05/5/2006 của Bộ GD&ĐT (Chương trình giáo dục phổ thông 2006).

Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, đầu tư bồi dưỡng đội ngũ giáo viên trẻ, quan tâm đặc biệt tới giáo viên dạy môn Tin học, công nghệ và Ngoại ngữ, đảm bảo chất lượng dạy học các môn học theo chương trình giáo dục phổ thông.

Rà soát, huy động trẻ trong độ tuổi ra lớp, động viên học sinh đi học chuyên cần đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch giao.

Tăng cường đầu tư tu sửa cơ sở vật chất khu trung tâm, các điểm trường đảm bảo tiêu chí trường đạt chuẩn Quốc gia theo Thông tư 17/2020; Quản lí sử dụng hiệu quả trang thiết bị hiện có, sửa chữa, mua sắm bổ sung thiết bị, đồ dùng dạy học đáp ứng yêu cầu học tập 2 buổi/ngày của học sinh theo Chương trình giáo dục phổ thông mới 2018.

Tập trung nâng cao chất lượng toàn diện học sinh, nhất là các điểm trường nhằm nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học và hướng đến thực hiện giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc theo quy định của Luật Giáo dục 2019.

Nuôi dạy học sinh bán trú chăm ngoan, nề nếp, đảm bảo an toàn. Lựa chọn, bồi dưỡng đội tuyển HS tham gia các hội thi, giao lưu, phong trào đạt kết quả.

Chú trọng đổi mới công tác quản lý, quản trị nhà trường theo hướng phát huy tính chủ động, linh hoạt của nhà trường và năng lực tự chủ, sáng tạo của tổ chuyên môn, giáo viên trong việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp 2018; Khai thác, sử dụng sách giáo khoa, các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả, phù hợp thực tiễn; vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển năng lực, phẩm chất học sinh;

Phối hợp giữa nhà trường, cha mẹ học sinh và các cơ quan, tổ chức có liên quan tại địa phương trong tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường.

III. Mục tiêu giáo dục năm học 2023-2024

1. Mục tiêu chung

Xây dựng một ngôi trường hạnh phúc đem lại nhiều niềm vui và những điều tốt đẹp cho học sinh, tạo điều kiện để mỗi HS có cơ hội bình đẳng trong học tập và phát triển những năng lực sẵn có của từng cá nhân, giúp các em hình thành và phát triển những nhân tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nền nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt.

Xây dựng ngôi trường là địa chỉ tin cậy của phụ huynh HS có con ở bán trú, đảm bảo môi trường lành mạnh, thân thiện và an toàn.

2. Chỉ tiêu cụ thể:

2.1. Duy trì số lượng học sinh

Duy trì 239/239 học sinh đi học chuyên cần đạt tỉ lệ 100%. Duy trì đến cuối năm học, không có học sinh bỏ học giữa chừng.

2.2. Chất lượng giáo dục

a) Về môn học và hoạt động giáo dục Khối 1, 2, 3, 4

Khối lớp		**Khối 1**		**Khối 2**		**Khối 3**		**Khối 4**	
Tổng số học sinh		**40**		**53**		**61**		**46**	
HS Khuyết tật		***0***		***2***		***1***		***1***	
HS được đánh giá		**40**		**53**		**61**		**46**	
Môn học	**MĐĐ**	*TS*	*%*	*TS*	*%*	*TS*	*%*	*TL*	*%*
1.Tiếng Việt	HTT	21	52,5	30	57	32	52	24	52
	HT	19	47,5	23	43	29	48	22	48
	CHT	0	0	0	0	0	0	0	0
2. Toán	HTT	21	52,5	30	57	31	51	24	52

		HT	19	47,5	23	43	30	49	22	48
		CHT	0	0	0	0	0	0	0	0
3.Khoa học		HTT							25	54
		HT							21	46
		CHT							0	0
4.LS&ĐL		HTT							23	5
		HT							23	50
		CHT							0	0
5. Tiếng Anh		HTT	21	52,5	28	53	31	51	24	52
		HT	19	47,5	25	47	30	49	22	48
		CHT	0	0	0	0	0	0	0	0
6. Tin học vàcông nghệ		HTT					31	51	24	52
		HT					30	49	22	48
		CHT					0	0	0	0
	7. Đạo đức	HTT	27	68	33	62	42	69	30	65
		HT	13	32	20	38	19	31	16	35
		CHT	0	0	0	0	0	0	0	0
	8. TN& XH	HTT	22	55	28	53	33	54		
		HT	18	45	25	47	28	46		
		CHT	0	0	0	0	0	0		
	9. GDT C	HTT	22	55	29	55	35	57	24	52
		HT	8	45	24	45	26	43	22	48
		CHT	0	0	0	0	0	0	0	0
Nghệ thuật	10. Âm nhạc	HTT	22	55	29	55	32	52	24	52
		HT	18	45	24	45	29	48	22	48
		CHT	0	0	0	0	0	0	0	0
	11. Mĩ thuật	HTT	21	53	29	55	32	52	24	52
		HT	9	48	24	45	29	48	22	48
		CHT	0	0	0	0	0	0	0	0
12. HĐTN		HTT	24	60	32	60	41	67	30	65
		HT	16	40	21	40	20	33	16	35
		CHT	0	0	0	0	0	0	0	0

*** Khối 5**

Khối lớp		**Khối 5**		**Tổng cộng**	
TS học sinh		**39**		**39**	
HS Khuyết tật		*0*		*0*	
HS được đánh giá		***39***		***39***	
Môn học	**MĐĐ**	*TS*	*TL%*	*TS*	*TL%*
1. Tiếng Việt	HTT	8	21	8	21
	HT	31	79	31	79
	CHT	0	0	0	0
2. Toán	HTT	8	21	8	21
	HT	31	79	31	79
	CHT	0	0	0	0
3 .Khoa học	HTT	15	38	15	38
	HT	24	62	24	62
	CHT	0	0	0	0
4. LS&ĐL	HTT	15	38	15	38
	HT	24	62	24	62
	CHT	0	0	0	0
5. Tiếng Anh	HTT	9	23	9	23
	HT	30	77	30	77
	CHT	0	0	0	0
6. Tin học	HTT	10	26	10	26
	HT	29	74	29	74
	CHT	0	0	0	0
7. Đạo đức	HTT	27	69	27	69
	HT	12	31	12	31
	CHT	0	0	0	0
8. Âm nhạc	HTT	15	38	15	38
	HT	24	62	24	62
	CHT	0	0	0	0
9. Mĩ thuật	HTT	21	54	21	54
	HT	18	46	18	46
	CHT	0	0	0	0
10. Kĩ thuật	HTT	19	49	19	49
	HT	20	51	20	51
	CHT	0	0	0	0
11. Thể dục	HTT	21	54	21	54
	HT	18	46	18	46
	CHT	0	0	0	0

b) Những phẩm chất chủ yếu:

*** Khối 1, 2, 3, 4:**

Khối lớp	**Khối 1**						**Khối 2**						**Khối 3**						**Khối 4**					
Tổng số HS	**40**						**53**						**61**						**46**					
HS Khuyết tật							**2**						**1**						**1**					
HS được đánh giá	**40**						**53**						**61**						**46**					
Phẩm chất	***Mức đạt được***																							
	Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1. Yêu nước	40	100	0	0	0	0	53	100	0	0	0	0	61	100	0	0	0	0	46	100	0	0	0	0
2. Nhân ái	31	78	9	23	0	0	43	81	10	19	0	0	57	93	4	7	0	0	42	91	4	9	0	0
3. Chăm chỉ	32	80	8	20	0	0	46	87	7	13	0	0	52	85	9	15	0	0	39	85	7	15	0	0
4. Trung thực	32	80	8	20	0	0	44	83	9	17	0	0	56	92	5	8	0	0	40	87	6	13	0	0
5. Trách nhiệm	26	65	14	35	0	0	42	79	11	21	0	0	46	75	15	25	0	0	35	76	11	24	0	0

*** Khối 5:**

Khối lớp	**Khối 5**						**Tổng cộng**					
Tổng số HS	**39**						**39**					
HS Khuyết tật	**0**						**0**					
HS được đánh giá	**39**						**39**					
Phẩm chất												
	Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1. Chăm học, chăm làm	39	100	0	0	0	0	39	100	0	0	0	0
2. Tự tin, trách nhiệm	33	85	6	15	0	0	33	85	6	15	0	0
3. Trung thực, kỉ luật	34	87	5	13	0	0	34	87	5	13	0	0
4. Đoàn kết, yêu thương	35	90	4	10	0	0	35	90	4	10	0	0

c) Những năng lực cốt lõi:

*** Khối 1, 2, 3, 4:**

Khối lớp	**Khối 1**						**Khối 2**						**Khối 3**						**Khối 4**					
Tổng số HS	**40**						**53**						**61**						**46**					
HS Khuyết tật							**2**						**1**						**1**					
HS được đánh giá	**40**						**53**						**61**						**46**					
Năng lực	***Mức đạt được***																							
	Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	Sl	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		%
- Năng lực chung																								
1. Tự chủ và tự học	23	57	17	43	0	0	29	55	24	45	0	0	39	64	22	36	0	0	39	64	22	36	0	0
2. Giao tiếp và hợp tác	25	63	15	37	0	0	29	55	24	45	0	0	38	62	23	38	0	0	35	76	11	24	0	0
3. Giải quyết vấn đề và sáng tạo	23	58	17	43	0	0	22	42	31	58	0	0	38	62	23	38	0	0	24	52	22	48	0	0
- Năng lực đặc thù																								
1. Ngôn ngữ	22	55	18	45	0	0	26	49	27	51	0	0	39	64	22	36	0	0	26	57	20	43	0	0
2. Tính toán	21	53	19	48	0	0	26	49	27	51	0	0	38	62	23	38	0	0	24	52	22	48	0	0
3. Khoa học	22	55	18	45	0	0	24	45	29	55	0	0	38	62	23	38	0	0	29	63	17	37	0	0
4. Công nghệ													37	61	24	39	0	0	28	61	18	39	0	0
5. Tin học													38	62	23	38	0	0	27	59	19	41	0	0
6. Thẩm mĩ	22	55	18	45	0	0	26	49	27	51	0	0	40	66	21	34	0	0	29	63	17	37	0	0
7. Thể chất	22	55	18	45	0	0	26	49	27	51	0	0	41	67	20	33	0	0	29	63	17	37	0	0

***Khối 5:**

Khối lớp	Khối 5						Tổng cộng					
Tổng số HS	**39**						**39**					
HS Khuyết tật	**0**						**0**					
HS được đánh giá	**39**						**39**					
Năng lực												
	Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1.Tự phục vụ, tự quản	31	79	8	21	0	0	31	79	8	21	0	0
2.Hợp tác	33	85	6	15	0	0	33	85	6	15	0	0
3.Tự học, giải quyết vấn đề	19	74	1	26	0	0	19	74	1	26	0	0

d) Kết quả giáo dục cuối năm học:

- Kết quả giáo dục cuối năm học khối 1,2,3,4:

Khối lớp	TSHS Được đánh giá	HTXS		HTT		HT		CHT		Ghi chú
		TS	TL	TS	TL	TS	TL	TS	TL	
1	40	9	23	14	35	17	43	0	0	
2	53	9	17	20	38	24	45	0	0	
3	61	10	16	21	34	30	49	0	0	
4	46	8	17	16	35	22	48	0	0	
Tổng	**200**	**36**	**18**	**71**	**36**	**93**	**47**	**0**	**0**	

- Hoàn thành chương trình lớp học: 237/239 HS,tỷ lệ 99,2%
- Hoàn thành chương trình Tiểu học: 39/39 HS, tỷ lệ 100%
- Kết quả các hội thi: Có học sinh đạt giải trong các kì thi, giao lưu cấp huyện.

e) Các hoạt động khác:

- 11/11 lớp có học sinh tham gia các cuộc thi, giao lưu (theo quy định) do trường và phòng phát động trong năm học.
- 100% HS thực hiện đầy đủ, tốt nền nếp thể dục, vệ sinh, ca múa hát đầu giờ, hoạt động tập thể sân trường, trang phục học sinh học đường sạch sẽ, gọn gàng (100% HS mặc đồng phục vào thứ 2 hàng tuần).

- 100% các lớp trang trí lớp theo quy định, linh hoạt, phù hợp và thân thiện.

- 100% các lớp, học sinh có năng lực, năng khiếu tham gia tích cực các cuộc giao lưu, các câu lạc bộ do nhà trường và phòng phát động.

- 100% học sinh hưởng ứng tích cực các hoạt động quyên góp, ủng hộ theo khả năng.

- Giáo dục học sinh tích cực tham gia hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa do nhà trường tổ chức: Tổ chức thăm hỏi động viên các gia đình chính sách, thăm viếng đài tưởng niệm tại xã: 2lần/năm học.

g) Khen thưởng cuối năm học:

Khối	TSHS	Khen thưởng					
		TSHS được Khen thưởng		HSXS (lớp 1,2,3,4) HTXS các nội dung học tập và rèn luyện (lớp 5)		Có thành tích vượt trội/ HS tiêu biểu HTT	
		SL	*TL %*	*SL*	*TL %*	*SL*	*TL %*
1	40	28	57,5	9	23	14	35
2	53	29	54,7	9	17	20	38
3	61	31	50,8	10	16	21	34
4	46	24	52,2	8	17	16	35
5	39	20	51,3	7	18	13	33
Tổng	**239**	**127**	**53,1**	**43**	**18**	**84**	**35**

IV. Tổ chức các môn học và hoạt động giáo dục trong năm học

1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục

*(Khối 1, 2,3,4 theo Chương trình GDPT 2018; Khối 5 theo Chương trình hiện hành Quyết định số 16/*2006*/QĐ-BGDĐT)*

TT	Hoạt động giáo dục		Số tiết lớp 1			Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4			Số tiết lớp 5		
			Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2
I. Môn học/hoạt động giáo dục bắt buộc																	
1	Tiếng Việt		**420**	216	204	**350**	180	170	**245**	126	119	**245**	126	119	**280**	144	136
2	Toán		**105**	54	51	**175**	90	85	**175**	90	85	**175**	90	85	**175**	90	85
3	Tiếng Anh								**140**	72	68	**140**	72	68	**140**	72	68
4	Đạo đức		**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17
5	TN&XH		**70**	36	34	**70**	36	34	**70**	36	34						
6	LS&ĐL											**70**	36	34	**70**	36	34
7	Khoa học											**70**	36	34	**70**	36	34
8	Tin học								**35**	18	17	**35**	18	17	**70**	36	34
	Công nghệ								**35**	18	17	**35**	18	17			
9	GDTC (Thể dục lớp 5)		**70**	36	34	**70**	36	34	**70**	36	34	**70**	36	34	**70**	36	34
10	Nghệ thuật	Âm nhạc	**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17
		Mĩ thuật	**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17
11	Hoạt động trải nghiệm (105)	-SHDC	**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17			
		-HĐCĐ	**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17			
		-SHL	**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17			
12	Kĩ thuật														**35**	18	17
13	Hoạt động giáo dục														**70**	36	34
14	Tăng cường Tiếng Việt		**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17						
15	Đọc sách tại thư viên		**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17

II. Môn học tự chọn																
1	Tiếng dân tộc thiểu số															
2	Tiếng Anh (Lớp 1,2)	**70**	36	34	**70**	36	34									
3	Câu lạc bộ	**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17
III. Hoạt động củng cố, tăng cường																
1	Toán (tăng)				**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17
2	Tiếng Việt (tăng)	**70**	36	34	**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17
TỔNG																
Tổng số tiết/năm học *(không kể các môn học tự chọn)*		***945***	***486***	***459***	***945***	***486***	***459***	***1050***	***540***	***510***	***1120***	***576***	***544***	***1120***	***576***	***544***
Số tiết trung bình/tuần *(Không kể các môn học tự chọn)*		***27***			***27***			***30***			***31***			***32***		
Số tiết tự chọn/tuần		***3***			***3***			***1***			***1***			***1***		
Số tiết củng cố, tăng cường/tuần		***2***			***2***			***2***			***0***			***0***		
Số tiết/tuần		***32***			***32***			***33***			***33***			***33***		
Số buổi dạy/tuần		***9***			***9***			***9***			***9***			***9***		
Tổng số tiết/năm học		***1.120***			***1.120***			***1.155***			***1.190***			***1.225***		

** Ghi chú: Tiếng anh lớp 3,4,5 nhà trường thực hiện Đề án tiếng Anh hệ 10 năm (môn học bắt buộc)*

2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học

2.1. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia
Tháng 9	Truyền thống nhà	Khai giảng năm học mới; giới thiệu về truyền thống	Tập trung toàn trường; Theo	Sáng ngày 5/9/2023	BGH; TPTĐ GVCN	Ban ĐDCMHS; GV.

	trường	nhà trường.	lớp			
	HĐTN	- Tổ chức Tết Trung Thu cho học sinh.	Tập trung toàn trường	Chiều thứ sáu ngày 29/9/2023	BGH; TPTĐ GV toàn trường	Ban ĐDCMHS; Đoàn TNCSHCM xã; Nhân viên nhà trường
Tháng 10	Truyền thống nhà trường	Sinh hoạt truyền thống về ngày Bác Hồ gửi lá thư cuối cùng cho ngành GD (15/10/1968)	Tập trung toàn trường	Sáng thứ Sáu ngày 12/10/2023 (30 phút)	Tổng phụ trách đội	BGH, GV tòan trường
	HĐTN	Giao lưu văn nghệ; vẽ tranh; làm thiệp chúc mừng mẹ và cô nhân ngày 20/10	Tập trung toàn trường; theo khối lớp	Giờ chào cờ đầu tuần thứ hai ngày 16/10/2023	TPTĐ, GVCN, GV âm nhạc	BGH, GV, NV
Tháng 11	Kính yêu thầy giáo, cô giáo	Kỉ niệm ngày 20/11; Hội diễn văn nghệ	Tập trung toàn trường	Thứ Sáu ngày 17/11/2023	BGH, TPTĐ, GV âm nhạc.	Ban ĐDCMHS, GV,NV toàn trường
Tháng 12	Uống nước nhớ nguồn	- Nghe kể chuyện về truyền thống lịch sử dân tộc. -Thi tìm hiểu truyền thống anh hùng của Quân đội NDVN.	Tập trung toàn trường	Sáng thứ sáu ngày 22/12/2023 (30 phút)	Tổng phụ trách đội	- Đại diện Hội cựu chiến binh xã; BGH, GV, NV.
Tháng 1+2	HĐTN	- Tổ chức tết cho HS toàn trường. - Trao quà tết cho HSBT	Tập trung toàn trường	Thứ ba ngày 06/02/2024 (26/12 Âm lịch)	BGH; TPTĐ GV,NV toàn trường.	- Ban ĐDCMHS - Các lực lượng hỗ trợ, tài trợ…
Tháng 3	HĐTN STEM	- Làm thiệp chúc mừng cô, mẹ, bà nhân ngày Quốc tế phụ nữ 8/3.	Tập trung toàn trường	Giờ chào cờ đầu tuần ngày 4/3/2024 (30 phút)	BGH; TPTĐ GV toàn trường.	- BGH; TPTĐ GV,NV toàn trường.
Tháng 4	HĐTN	Thi tìm hiểu về truyền thống lịch sử dân tộc	Học sinh khối 4,5	Chiều thứ tư ngày 24/4/2024 (60 phút)	BGH; TPTĐ	GVCN, GVBM
Tháng 5	HĐTN	- Viếng Nghĩa mộ anh hùng Liệt sĩ Bế Văn Đàn, bia tưởng niệm liệt sĩ xã.	Tập trung	Sáng thứ sáu ngày 03/5/2023	CBGVNV, HS lớp 4,5	- Đại diện lãnh đạo các ban ngành, đoàn thể xã.

2.2. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học và trong thời gian bán trú tại trường

STT	Nội dung	Hoạt động	Đối tượng/quy mô	Thời gian	Địa điểm	Ghi chú
1	Sinh hoạt câu lạc bộ, năng khiếu.	Tổ chức sinh hoạt câu lạc bộ theo nhu cầu người học.	Học sinh từ khối 1 đến khối 5	1 lần/tháng (Từ 16 giờ 10 phút đến 16 giờ 45 phút).	Tại trường trung tâm và các điểm bản	
2	Vui chơi tự do; HĐTT sân trường	- Chơi trò chơi - Ca múa hát, HĐTT sân trường;	Học sinh từ khối 1 đến khối 5	Giữa giờ (giờ ra chơi) các ngày trong tuần	Tại sân trường và các điểm bản	
3	HĐTN,RKNS, HĐGD khác	- GDKNS; hoạt động giải trí	Học sinh bán trú	Sau giờ học cuối buổi chiều, trước giờ ăn tối	Tại trường trung tâm	

3.Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục

- Kế hoạch giáo dục đối với 03 điểm trường lẻ thực hiện như trường trung tâm.
- Hoạt động câu lạc bộ sinh hoạt theo điểm trường và bố trí thời gian sinh hoạt luân phiên giữa các điểm trường cho phù hợp

*** Khung thời gian hoạt động trong ngày tại điểm trường trung tâm:**

Thời gian		Hoạt động
Buổi sáng		
6 giờ 30 phút - 7 giờ 15 phút	45 phút	Vệ sinh cá nhân + ăn sáng (HS bán trú)
7 giờ 15 phút - 7 giờ 30 phút	15 phút	Sinh hoạt tập thể đầu giờ
7 giờ 30 phút - 8 giờ 05 phút	35 phút	Tiết 1
8 giờ 10 phút - 8 giờ 45 phút	35 phút	Tiết 2
8 giờ 45 phút - 9 giờ 05 phút	***20 phút***	***Ra chơi***
9 giờ 05 phút - 9 giờ 40 phút	35 phút	Tiết 3
9 giờ 45 phút - 10 giờ 20 phút	35 phút	Tiết 4
10 giờ 25 phút - 11 giờ 00 phút	35 phút	Tiết 5 *(Thứ hai: khối 3,4,5)*

11 giờ 00 phút - 11 giờ 30 phút	30 phút	***Ăn trưa + sinh hoạt tập thể (HS bán trú)***
Buổi chiều		
14 giờ - 14 giờ 35 phút	35 phút	Tiết 5
14 giờ 40 phút - 15 giờ 15 phút	35 phút	Tiết 6
15 giờ 15 phút - 15 giờ 35 phút	***20 phút***	***Ra chơi***
15 giờ 35 phút - 16 giờ 10 phút	35 phút	Tiết 7
Hoạt động cuối ngày		
Thời gian		***Nội dung***
16 giờ 10 phút đến 16 giờ 30 phút	***20 phút***	***- Tổ chức các HĐGD: Trò chơi; GDKNS trung tâm trường***
Buổi tối		
16 giờ 35 phút - 18 giờ 55 phút	140 phút	***Ăn tối + sinh hoạt tập thể (HS bán trú)***
19 giờ 00 phút - 21 giờ 00 phút	120 phút	***Ôn bài, giải trí (HS bán trú)***

***Khung thời gian hoạt động trong ngày tại 3 điểm trường: Tin Tốc, Huổi Chan 1, Huổi Chan 2**

Thời gian		**Hoạt động**
Buổi sáng		
7 giờ 15 phút - 7 giờ 30 phút	15 phút	Sinh hoạt tập thể đầu giờ
7 giờ 30 phút - 8 giờ 05 phút	35 phút	Tiết 1
8 giờ 10 phút - 8 giờ 45 phút	35 phút	Tiết 2
8 giờ 45 phút - 9 giờ 05 phút	***20 phút***	***Ra chơi***
9 giờ 05 phút - 9 giờ 40 phút	35 phút	Tiết 3
9 giờ 45 phút - 10 giờ 20 phút	35 phút	Tiết 4
10 giờ 20 phút - 11 giờ 30 phút	50 phút	***Ăn trưa + sinh hoạt tập thể (HS Nuôi em)***
Buổi chiều		
14 giờ - 14 giờ 35 phút	35 phút	Tiết 5

14 giờ 40 phút - 15 giờ 15 phút	35 phút	Tiết 6
15 giờ 15 phút - 15 giờ 35 phút	***20 phút***	***Ra chơi***
15 giờ 35 phút - 16 giờ 10 phút	35 phút	Tiết 7
Hoạt động cuối ngày		
Thời gian		***Nội dung***
16 giờ 10 phút đến 16 giờ 30 phút	***20 phút***	***- Tổ chức các HĐGD: Trò chơi; GDKNS cho học sinh***

** Ghi chú: Thời gian 1 tiết học 35 phút, chuyển giao giữa các tiết 5 phút*

4. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2023-2024 và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục

Thực hiện Quyết định số 2363/QĐ-UBND ngày 14/8/2023 của Chủ tịch UBND huyện về Kế hoạch thời gian năm học 2023-2024, cụ thể đối với giáo dục tiểu học:

Ngày tựu trường: Đối với lớp 1: Thứ hai, ngày 28/8/2023. Các lớp còn lại Thứ sáu ngày 01/9/2023

Ngày khai giảng: Thứ ba ngày 05/9/2023.

Học kỳ I: Từ ngày 06/9/2023 đến trước ngày 15/01/2024 (gồm 18 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác).

Học kỳ II: Từ ngày 16/01/2024 đến trước ngày 25/5/2024 (gồm 17 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác).

Ngày kết thúc năm học: 31/5/2024.

Tại trường Tiểu học số 2 xã Mường Pồn thời gian thực hiện chương trình năm học 2023-2024 cụ thể như sau:

***Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học đối với các khối lớp từ 1 đến 5**

TT	A. Môn học và Hoạt động giáo dục	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5		Ghi chú
		Theo TT32	Tăng thêm	Theo TT 32	Tăng thêm	Theo TT 32	Tăng thêm	Theo TT32	Tăng thêm	Theo QĐ 16	Tăng thêm	
1	Tiếng Việt	12	1	10	1	7	1	7	1	8	1	
2	Toán	3	1	5	1	5	1	5	1	5	1	

3	Tiếng Anh					4		4		4		
4	Đạo đức	1		1		1		1		1		
5	TN&XH	2		2		2						
6	Lịch sử và Địa lí							2		2		
7	Khoa học							2		2		
8	Tin học và công nghệ (Tin học L5)					2		2		2		
	GDTC (thể dục lớp 5)	2		2		2		2		2		
9	Nghệ thuật (âm nhạc, Mĩ thuật	2		2		2		2		2		
10	Hoạt động trải nghiệm	3		3		3		3				
11	Kĩ thuật lớp 5									1		
12	Hoạt động giáo dục lớp 5									2		
13	Tăng cường tiếng Việt	1		1		1						
14	Đọc thư viện	1		1		1		1		1		
	B. Tự chọn											
15	Tiếng Anh (lớp 1,2)		2		2							
16	Câu lạc bộ		1		1		1		1		1	
Tổng		***27***	***5***	***27***	***5***	***30***	***3***	***31***	***3***	***32***	***3***	
Tổng chung/tuần		***32 tiết***		***32 tiết***		***33 tiết***		***34 tiết***		***35 tiết***		

*** Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục từ khối 1 đến khối 5:**

- Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục được xây dựng cụ thể theo từng ngày/lớp/ tuần *(Có thời khóa biểu chi tiết theo từng lớp và kế hoạch dạy học tuần của từng môn học, hoạt động giáo dục của từng khối lớp).*

Kế hoạch dạy bù đối với các ngày nghỉ lễ theo quy định hoặc các ngày nghỉ khác vì lý do bất khả kháng (phòng chống dịch bệnh) được xây dựng chi tiết theo thời điểm trước nghỉ lễ 01 tuần và các tuần sau nghỉ lễ.

Nhà trường có kế hoạch điều chỉnh để đảm bảo kế hoạch dạy học đối với các ngày tổ chức hoạt động tập thể quy mô lớn ảnh hưởng đến kế hoạch dạy học của toàn trường hoặc khối lớp.

Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động theo nhu cầu người học theo tình hình cụ thể của nhà trường.

Chiều thứ sáu hàng tuần học sinh toàn trường nghỉ học; CB, GV,NV thực hiện công tác hội họp và sinh hoạt chuyên môn theo quy định.

V. Giải pháp thực hiện

1. Phát triển quy mô trường lớp, huy động HS trong độ tuổi ra lớp

Nhà trường tiếp tục rà soát quy mô trường, lớp, số học sinh, nâng cao số học sinh/lớp sát định mức và phù hợp với thực tế địa phương; thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo năm 2023.

Tích cực, chủ động tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương, phối hợp với các tổ chức chính trị-xã hội, Ban quản lí thôn bản tuyên truyền, vận động tối đa HS độ tuổi đến trường ra lớp, hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng học sinh bỏ học giữa chừng và đi học không chuyên cần.

2. Tăng cường công tác GD chính trị, tư tưởng đối với GV và HS

Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đối với cán bộ, viên chức và người lao động tạo sự đoàn kết, thống nhất trong nhà trường; xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý thực sự gương mẫu, yêu thương học sinh là tấm gương cho học sinh noi theo.

Đẩy mạnh công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh, tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với các phong trào thi đua xây dựng văn hóa học đường, chú trọng xây dựng văn hóa ứng xử lành mạnh, phát huy những giá trị tích cực về thuần phong, mỹ tục, nêu cao tinh thần tương thân, tương ái, đoàn kết.

3. Công tác bồi dưỡng đội ngũ giáo viên

Sắp xếp bố trí đội ngũ GV phù hợp với năng lực mỗi người.

Xây dựng đội ngũ GV, NV, CBQL cốt cán; Phân công các giáo viên cốt

cán, các giáo viên có năng lực triển khai CTGDPT 2018 kèm cặp, hướng dẫn các giáo viên có năng lực còn hạn chế để giáo viên tự thực hiện giờ dạy theo yêu cầu Chương trình GDPT 2018;

Thực hiện công tác bồi dưỡng thường xuyên theo quy định tại Thông tư số 17/2019/TT-BGDĐT ngày 01/11/2019, Thông tư số 18/2019/TT-BGDĐT ngày 01/11/2019.

Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cho giáo viên theo các phương pháp linh hoạt khác nhau, phù hợp với điều kiện thực tế của trường;

Đổi mới công tác quản lý, đánh giá xếp loại giáo viên theo hướng chất lượng, hiệu quả, sáng tạo.

Tổ chức thi giáo viên giỏi cấp trường theo quy định.

Chọn cử GV tham gia thi giáo viên dạy giỏi, GV làm tổng phụ trách đội giỏi cấp huyện.

5. Thực hiện sinh hoạt chuyên môn các cấp

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo công văn số 1315/BGDĐT-GDTH ngày 16/4/2020 của Bộ GD&ĐT, văn bản số 399/PGDĐT-GDTH ngày 12/5/2020 của Phòng GD&ĐT về hướng dẫn sinh hoạt chuyên thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, văn bản số 1054/PGDĐT-GDTH ngày 08/9/2023 về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn cấp trường, cụm trường, cấp huyện năm học 2023-2024 (cấp huyện: 01 lần/1 học kỳ; cấp cụm trường: 01 lần/1 học kỳ; cấp trường 2-3 lần/1 học kỳ).

Tổ chức sinh hoạt tổ chuyên môn ít nhất hai tuần một lần để thực hiện các nhiệm vụ của tổ chuyên môn trên tinh thần xây dựng môi trường thân thiện, tích cực, tự học để nâng cao trình độ và phát triển năng lực chuyên môn. Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học. Đặc biệt chú ý đến nội dung đổi mới phương pháp dạy học và việc lựa chọn nội dung dạy học, những vấn đề vướng mắc trong thực hiện chương trình khối lớp.

Sinh hoạt chuyên môn đảm bảo theo 4 bước theo quy định.

Các buổi sinh hoạt chuyên môn được tổ chức từ 14 giờ đến 17 giờ. Mỗi buổi thực hiện trong 3 tiết, mỗi tiết 45 phút

Nội dung sinh hoạt chuyên môn tập trung vào nghiên cứu chương trình giáo dục phổ thông tổng thể, chương trình môn học, chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ quan sát lớp học, nghiên cứu bài học và khai thác các chuyên đề dạy học.

6. Đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục tiểu học

Đội ngũ làm tốt công tác truyền thông giáo dục để xã hội hiểu và chia sẻ, đồng thuận với các chủ trương đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo,

đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông của Quốc hội, Chương trình GDPT 2018 của Bộ GD&ĐT dưới nhiều hình thức, đa dạng, hiệu quả.

Chủ động cung cấp thông tin cho cha mẹ HS và nhân dân biết qua các kênh thông tin truyền thông; đồng thời, sẵn sàng lắng nghe và thảo luận các vấn đề mới đang tồn tại nhiều cách hiểu khác nhau để tạo lập sự đồng thuận và hỗ trợ của xã hội.

Tuyên truyền về các biện pháp ngăn ngừa các hành vi bạo hành đối với trẻ em, hành vi xâm hại hoặc ứng xử gây tổn thương đến thể chất, tinh thần HS.

Đội ngũ chủ động viết và đưa tin, bài về các hoạt động của nhà trường, tập trung vào các tin bài về việc triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018 nhất là các gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến để khích lệ các thầy giáo, cô giáo, các em học sinh phấn đấu, vươn lên, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng, quảng bá hình ảnh và hoạt động giáo dục của nhà trường.

Nhà trường tăng cường công tác phổ biến và hướng dẫn giáo viên thường xuyên cập nhật và thực hiện nghiêm túc các văn bản quy phạm pháp luật.

7. Tăng cường các hoạt động trải nghiệm

Tăng cường các hoạt động trải nghiệm, tích hợp nội dung giáo dục địa phương, vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống của HS thông qua hoạt động GDNGLL, Giáo dục kĩ năng sống. Lồng ghép, tích hợp giáo dục đạo đức, nhân cách; giáo dục quốc phòng và an ninh; giáo dục pháp luật; giáo dục nhận thức về quyền và bổn phận của trẻ em; bình đẳng giới; phòng chống HIV/AIDS; chú trọng giáo dục lối sống, kĩ năng sống, các kĩ năng tự bảo vệ, chống xâm hại, bạo lực; thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe và y tế trường học; tuyên truyền, giáo dục chủ quyền quốc gia về biên giới, biển đảo; bảo vệ, vệ sinh môi trường; bảo tồn thiên nhiên; ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, giáo dục an toàn giao thông, phòng tránh tai nạn thương tích, xâm hại trẻ em.

Tăng cường tổ chức cho HS tham gia các hoạt động Tư vấn tâm lý học đường; Giáo dục tiết kiệm năng lượng; Tuyên truyền HS tìm hiểu về An toàn giao thông; giáo dục bảo vệ nguồn nước sạch, tiết kiệm năng lượng. Thực hiện các giải pháp phòng chống dịch bệnh theo mùa, bệnh tay chân miệng, bệnh đậu mùa khỉ, tẩy giun.

Khuyến khích HS tham gia các câu lạc bộ phát triển năng khiếu bản thân như: Bài võ cổ truyền, Võ Vovinam, Thể dục nhịp điệu; dân vũ; vũ điệu đường phố; khiêu vũ; nhạc cụ; vẽ tranh, hội họa…

Tổ chức cho HS chăm sóc các gia đình chính sách, tham quan các khu di tích lịch sử, đài tưởng niệm, …

Làm tốt công tác giáo dục truyền thống dân tộc, truyền thống văn hoá lịch sử ở địa phương cho HS, giữ gìn bản sắc văn hoá của dân tộc thông qua công tác tuyên truyền, các hoạt động về nguồn, kỉ niệm các ngày lễ, các sự kiện trọng đại của đất nước như: Phong trào "Uống nước nhớ nguồn", "Áo lụa tặng Bà",...

8. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, học liệu

Tiếp tục tham mưu với các cấp có thẩm quyền và huy động các nguồn lực, các tổ chức xã hội, các mạnh thường quân và sự đóng góp công sức của nhân dân để xây dựng, tu sửa cơ sở vật chất chuẩn bị tốt các điều kiện cho triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Tham mưu với Phòng GD&ĐT cấp thiết bị dạy học mới theo quy định, đảm bảo 01 bộ thiết bị dạy học tối thiểu/01 lớp. Tiếp tục sử dụng những thiết bị hiện có trong nhà trường.

Giáo viên chủ động tăng cường khai thác thiết bị dạy học hiện đại, thiết bị dạy học có yếu tố công nghệ thông tin, phần mềm dạy học. Tích cực làm đồ dùng dạy học, trang trí lớp học một cách linh hoạt, sáng tạo đáp ứng đổi mới phương pháp dạy học, phù hợp với tâm lý học sinh. Tăng cường phát triển kho video bài dạy minh họa của đội ngũ giáo viên giỏi để giúp các giáo viên tham khảo, sử dụng để hỗ trợ trong công tác dạy và học các nội dung theo Chương trình GDPT 2018.

9. Tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc và dạy tiếng Việt cho học sinh dân tộc trước khi thực hiện chương trình lớp 1

Tổ chức tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc qua các môn học và hoạt động giáo dục.

Triển khai Kế hoạch số 551/KH-UBND ngày 13/4/2021 của UBND huyện về việc thực hiện Đề án tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số huyện Điện Biên giai đoạn 2021-2025. Việc dạy học tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số sử dụng các tài liệu đã được Bộ GD&ĐT tổ chức biên soạn, thẩm định và phê duyệt *(Quyết định số 631/QĐ-BGDĐT ngày 15/3/2019 dành cho giáo viên lớp 1 và học sinh lớp 1; Quyết định số 189/QĐ-BGDĐT ngày 20/01/2020 dành cho giáo viên lớp 2 và học sinh lớp 2; Quyết định số 733/QĐ-BGDĐT ngày 19/02/2021 dành cho giáo viên lớp 3 và học sinh lớp 3; Quyết định số 521/QĐ-BGDĐT ngày 21/02/2022 dành cho giáo viên lớp 4 và học sinh lớp 4).*

10. Công tác bồi dưỡng HS năng khiếu và phụ đạo HS chưa đạt chuẩn kiến thức kĩ năng; giáo dục kĩ năng sống

Trong mỗi tiết dạy cần quan tâm đến từng đối tượng HS, quan tâm phát triển năng lực cho HS vượt trội, chú ý giúp đỡ đối tượng HS khó khăn trong học

tập. Tăng cường bồi dưỡng, phụ đạo trong các tiết học chính khóa và tiết tăng thêm theo hình thức dạy phân hóa đối tượng HS.

Tổ chức HS tự nguyện tham gia giao lưu các môn Olympic Toán, tiếng Việt, tiếng Anh cho học sinh khối 4,5.

Tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng HS tham gia Hội khỏe Phù Đổng cấp huyện, cấp tỉnh theo Điều lệ qui định năm học 2023-2024.

11. Tăng cường chuyển đổi số trong giáo dục đào tạo và giáo dục kỹ năng công dân số

a) Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong giáo dục

Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong quá trình dạy học các môn học, hoạt động giáo dục và công tác thống kê, báo cáo, quản lý dữ liệu bằng hệ thống phần mềm quản lý trường tiểu học, phần mềm EQMS trong cơ sở dữ liệu (csdl.moet.gov.vn), phần mềm phổ cập giáo dục và xóa mù chữ, phần mềm dạy học trực tuyến, dạy học trên truyền hình VTV. Thường xuyên khai thác thông tin trên mạng Internet và truy cập Website www dienbien.edu.vn, www.tieuhocmoet.gov.vn, www.moet.gov.vn, Website của Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT (huyendienbien.edu.vn; http://hscvpgd.hdb.dienbien.gov.vn).

b) Triển khai thực hiện đưa nội dung giáo dục kĩ năng công dân số vào giảng dạy ở tiểu học.

Thực hiện việc đưa nội dung giáo dục kĩ năng công dân số vào giảng dạy ở cấp tiểu học thông qua dạy học môn Tin học; tích hợp giáo dục kĩ năng công dân số thông qua tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

12. Triển khai giáo dục STEM

Triển khai giáo dục STEM theo hướng dẫn chỉ đạo của Bộ, Sở, Phòng Giáo dục và Đào tạo (công văn số 909/BGDĐT- GDTH ngày 08/3/2023 của Bộ GD&ĐT về Hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục STEM trong giáo dục Tiểu học; Công văn số 652/SGDĐT- GDMT ngày 22/3/2023 của Sở GD&ĐT về Hướng dẫn thực hiện giáo dục STEM cấp Tiểu học; công văn số 360/PGDĐT-GDTH ngày 27/3/2023 của PGD&ĐT về Hướng dẫn thực hiện giáo dục STEM cấp Tiểu học). Chuẩn bị các điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tổ chức hoạt động giáo dục STEM.

13. Nâng cao hiệu quả phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và phương pháp, hình thức đánh giá

a) Thực hiện linh hoạt phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

Thực hiện linh hoạt phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh; vận dụng những thành tố tích cực

của các mô hình, phương thức giáo dục tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, đặc biệt là đổi mới tổ chức dạy học, hoạt động giáo dục trên lớp; tăng cường tổ chức thực hành, trải nghiệm, tích hợp nội dung giáo dục địa phương, vận dụng kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống.

Tiếp tục áp dụng một cách phù hợp mô hình trường học mới Việt Nam; triển khai dạy học theo phương pháp Bàn tay nặn bột; dạy học Mĩ thuật theo phương pháp mới; sử dụng Sơ đồ tư duy vào tổ chức dạy học các môn học tạo ra bức tranh nhiều màu sắc để học sinh vận dụng trí tưởng tượng sáng tạo, sinh động mang tính lý luận, có sự liên kết chặt chẽ giúp học sinh tăng hứng thú học tập, khả năng tập trung, loại bỏ cách diễn đạt lủng củng, nhớ trước quên sau. Khuyến khích giáo viên dạy các môn học lớp 5 vận dụng, tiếp cận dần với phương pháp đổi mới (Chương trình GDPT 2018).

b) Nâng cao hiệu quả các phương pháp và hình thức đánh giá

Đối với học sinh lớp 5 Chương trình GDPT 2006, tiếp tục được đánh giá theo quy định tại Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 và Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016 của Bộ GD&ĐT. Đối với học sinh lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 Chương trình GDPT 2018, được đánh giá theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, áp dụng phần mềm quản lý kết quả giáo dục và học tập của học sinh để giảm áp lực về hồ sơ, sổ sách, dành nhiều thời gian cho giáo viên quan tâm đến học sinh và đổi mới phương pháp dạy học.

Tiếp tục tổ chức tập huấn, hướng dẫn giáo viên về hình thức tổ chức, phương pháp đánh giá thường xuyên, biên soạn xây dựng ma trận đề kiểm tra định kỳ cho các môn học theo chương trình GDPT 2018; tổ chức thực hiện bài kiểm tra định kỳ đối với môn Tiếng Anh, Tin học và Công nghệ theo Thông tư số 27/2020/TTBGDĐT và Quyết định số 2904/QĐ-BGDĐT ngày 07/10/2022 của Bộ GD&ĐT. Đối với môn Tin học và Công nghệ thực hiện dạy học và kiểm tra đánh giá như hai môn học độc lập theo Chương trình GDPT môn Tin học và Chương trình GDPT môn Công nghệ. Điều chỉnh mẫu học bạ và Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT cho phù hợp với việc ghi nhận kết quả đánh giá hai môn học này.

Thực hiện nghiêm túc bàn giao kết quả giáo dục cuối năm học phù hợp với từng nhóm đối tượng, kiên quyết không để học sinh ngồi nhầm lớp; thực hiện khen thưởng học sinh thực chất, đúng quy định, tránh tùy tiện, máy móc. Ngoài các hình thức khen thưởng như: giấy khen học sinh xuất sắc; Học sinh tiêu biểu hoàn thành tốt nội dung học tập và rèn luyện; giấy khen cho những học

sinh có thành tích đột xuất hoặc khen trong các cuộc thi giao lưu. Hiệu trưởng và giáo viên có thể gửi "Thư khen" cho những học sinh có thành tích, cố gắng trong quá trình học tập, rèn luyện phẩm chất, năng lực hoặc có những việc làm tốt. Hình thức khen: viết thư khen ngợi. Nội dung khen ngợi: những học sinh có thành tích, cố gắng trong quá trình học tập, rèn luyện phẩm chất, năng lực hoặc có những việc làm tốt. Thời điểm viết Thư khen: Hằng tuần, tháng, cuối kì, cuối năm học hoặc khi học sinh có sự tiến bộ vượt bậc hay có việc làm tốt,…

14. Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày và bán trú, Nuôi em

Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày với kế hoạch dạy học các môn học bắt buộc tối đa 32 tiết/tuần. Học sinh học 2 buổi/ngày được tăng cường kiến thức kỹ năng thông qua các môn học, giáo dục kỹ năng sống thông qua hoạt động các câu lạc bộ, phát triển năng lực thông qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp và hoạt động trải nghiệm.

Tổ chức quản lý học sinh bán trú theo quy định tại Thông tư số 27/2011/TT-BGDĐT ngày 27/6/2011 của Bộ GD&ĐT về Quy chế công tác học sinh, sinh viên nội trú tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng cho học sinh bán trú. Kêu gọi các tổ chức xã hội, các nhà hảo tâm, các mạnh thường quân ủng hộ giúp đỡ kinh phí nấu ăn cho học sinh Nuôi em tại các điểm trường.

4. Thực hiện giáo dục đối với trẻ khuyết tật, lớp ghép

a) Đối với trẻ khuyết tật

Thực hiện nghiêm túc Luật Người khuyết tật 2010, Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của liên Bộ GD&ĐT - Bộ Lao động Thương binh và xã hội - Bộ Tài Chính về Quy định chính sách giáo dục đối với người khuyết tật; TT số 03/2018/TT-BGDĐT ngày 29/01/2018 của Bộ GD&ĐT quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật.

Triển khai thực hiện Chương trình nâng cao chất lượng bảo vệ, chăm sóc trẻ em khuyết tật cần trợ giúp xã hội trên địa bàn huyện Điện Biên giai đoạn 2022-2030 theo quy định tại công văn số 237/PGDĐT-VP ngày 10/3/2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo.

b) Thực hiện hiệu quả lớp học linh hoạt, lớp ghép

Căn cứ số lượng học sinh và điều kiện của nhà trường, tổ chức các lớp ghép tại 3 điểm trường. Mỗi lớp ghép không quá 25 học sinh/lớp và không quá 2 trình độ; Chế độ phụ cấp dạy lớp ghép cho giáo viên tiểu học thực hiện theo quy định tại Quyết định số 15/2010/QĐ-TTg ngày 03/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với Hiệu trưởng

Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách kế hoạch dạy học và giáo dục theo quy định tại Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 của Chính phủ.

Tham mưu với chính quyền địa phương và Phòng GD&ĐT về các hoạt động giáo dục của nhà trường, địa phương.

Có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể chính trị; phát huy dân chủ trong công tác để đạt hiệu quả cao trong các hoạt động quản lý, điều hành.

Tổ chức các hoạt động hội thi, hội giảng trong năm học. Xây dựng tiêu chí thi đua trong nhà trường; Ra các Quyết định thành lập tổ chuyên môn, bổ nhiệm các chức danh tổ trưởng, tổ phó chuyên môn. Thành lập Hội đồng tổ chức Kiểm tra định kì; Hội đồng nghiệm thu, bàn giao chất lượng giáo dục học sinh năm học. Hội đồng thi đua khen thưởng. Phân công giáo viên chủ nhiệm lớp và giảng dạy các môn học, các hoạt động giáo dục.

2. Đối với Phó hiệu trưởng

Chỉ đạo các hoạt động chuyên môn, thư viện thiết bị, công tác bán trú quản lý các phần mềm, hồ sơ công việc liên quan đến các hoạt động giáo dục, tổ chức tập huấn cho CBGVNV Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Chỉ đạo, tổ chức xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa. Kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh chưa đạt chuẩn và các hoạt động liên quan đến giáo dục.

Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Điều lệ trường tiểu học.

Tổ chức kiểm tra các hoạt động liên quan đến chuyên môn.

Tham mưu với Hiệu trưởng rà soát quy hoạch mạng lưới trường học, trang thiết bị CSVC của nhà trường. Tham mưu cho Hiệu trưởng công tác chuyên môn, bồi dưỡng chất lượng đội ngũ giáo viên, các giải pháp nâng cao chất lượng học sinh, đội ngũ giáo viên.

Quản lý các phần mềm, hồ sơ công việc liên quan đến công tác phổ cập.

3. Đối với tổ trưởng chuyên môn

Xây dựng kế hoạch hoạt động tổ, hướng dẫn xây dựng và quản lý kế hoạch cá nhân của tổ viên theo kế hoạch dạy học (đối với tổ chuyên môn); theo kế hoạch công tác (đối với tổ văn phòng) và các quy định của cơ quan quản lý cấp trên.

Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ (đối với tổ chuyên môn), tổ chức kiểm tra đánh giá chất lượng thực hiện nhiệm vụ của thành viên trong tổ (đối với cả tổ chuyên môn và tổ văn phòng) theo kế hoạch của nhà trường.

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn tổ/ khối theo quy định (2 lần/tháng).

Triển khai các kế hoạch giáo dục nhà trường đến các thành viên trong tổ.

Thực hiện chế độ giao ban, báo cáo theo lịch của BGH.

4. Đối với Tổng phụ trách đội TNTPHCM

Thành lập Ban chỉ huy Liên đội, các sao nhi đồng tổ chức và thực hiện mọi hoạt động phong trào của nhà trường;

Phối kết hợp với ban chuyên môn trường, các tổ khối trưởng chuyên môn, các giáo viên xây dựng, tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hoạt động phong trào học sinh của nhà trường;

Xây dựng kế hoạch Đội, xây dựng bộ tiêu chí thi đua của Liên đội.

5. Đối với giáo viên chủ nhiệm

Xây dựng kế hoạch chủ nhiệm lớp, kế hoạch bài dạy phát triển năng lực, phẩm chất học sinh.

Chịu trách nhiệm giảng dạy theo sự phân công của Hiệu trưởng;

Thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế chuyên môn, chương trình, thời gian biểu;

Chịu trách nhiệm về chất lượng giáo dục môn học/lớp mình đảm nhiệm;

Phối kết hợp với các đoàn thể trong nhà trường thực hiện tốt hoạt động giáo dục; hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa;

Tích cực việc bồi dưỡng thường xuyên về chuyên môn, nghiệp vụ;

Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt chuyên đề do các cấp tổ chức.

Tham gia công tác phổ cập giáo dục PCGD, XMC. Tham gia công tác khuyến học.

Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công

6. Đối với giáo viên phụ trách môn học

Xây dựng kế hoạch dạy học tuần theo môn học phụ trách, kế hoạch bài dạy phát triển năng lực, phẩm chất học sinh.

Chịu trách nhiệm giảng dạy theo sự phân công của Hiệu trưởng;

Thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế chuyên môn, chương trình, thời khóa biểu;

Chịu trách nhiệm về chất lượng giáo dục môn học mình đảm nhiệm;

Phối kết hợp với các GVCN, các đoàn thể trong nhà trường thực hiện tốt hoạt động giáo dục; hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa;

Tích cực việc bồi dưỡng thường xuyên về chuyên môn, nghiệp vụ;

Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt chuyên đề do các cấp tổ chức.

Tham gia công tác phổ cập giáo dục PCGD, XMC. Tham gia công tác khuyến học.

Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công

7. Đối với nhân viên

7.1. Nhân viên TV-TB

Tổ chức, quản lý hoạt động của thư viện - thiết bị;

Quản lí phòng đọc, tổ chức các tiết đọc thư viện;

Xây dựng các kế hoạch liên quan đến hoạt động của thư viện + thiết bị;

Tuyên truyền đề CBGV,NV và học sinh tích cực đọc sách;

Tổ chức "Tuần lễ học tập suốt đời"; "Ngày sách Việt Nam"; tổ chức ngày hội đọc sách…

Tổng hợp, báo cáo các lĩnh vực liên quan đến công tác thư viện, thiết bị trường học.

Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công.

7.2. Nhân viên Y tế

Xây dựng kế hoạch công tác y tế trường học.

Phối hợp với trạm y tế xã khám sức khỏe định kỳ cho học sinh; Giải quyết các trường hợp sơ cứu, xử lý ban đầu các bệnh thông thường.

Tư vấn sức khỏe, vệ sinh phòng dịch cho CBGVNV và học sinh.

Thực hiện các nhiệm vụ Ban chỉ đạo phòng chống dịch Covid-19 của nhà trường.

Thực hiện sơ kết, tổng kết, đánh giá tình hình sức khoẻ HS, lập sổ sức khoẻ, phiếu khám sức khoẻ định kì. Thực hiện thống kê, báo cáo về y tế trường học theo qui định của BGDĐT, Bộ Y tế.

Thực hiện qui trình lưu mẫu thực phẩm.

Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công.

7.3. Nhân viên kế toán

Lên dự kiến kế hoạch, thu chi cả năm, quý, tháng.

Quyết toán tài chính đúng qui định, thời gian.

Quản lý lao động, tiền lương của GV, CB, NV, giải quyết các thủ tục chế độ về tuyển dụng, thôi việc, nghỉ hưu theo quyết định.

Kết hợp với GV chủ nhiệm rà soát nhu cầu kinh phí cho HS và giải quyết chế độ cho HS theo qui định.

Thẩm định giá các hợp đồng kinh tế. Hoạch toán chi sinh hoạt cho HS bán trú.

Quản lý tài sản, cơ sở vật chất của nhà trường.

Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công.

7.4. Nhân viên bảo vệ

Giữ gìn an ninh trật tự, an toàn về người và tài sản của nhà trường, của giáo viên, học sinh.

Phối hợp với các cơ quan hữu quan để giải quyết các vụ việc liên quan đến an ninh trật tự, an toàn về người và tài sản trong phạm vi nhà trường.

Thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy, điện nước và bảo quản thiết bị phòng cháy, chữa cháy, đồ điện.

Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2023-2024 của trường Tiểu học số 2 xã Mường Pồn./.

Nơi nhận:
- Phòng GD&ĐT huyện (để b/c);
- Các tổ chuyên môn (để t/h);
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO H.ĐIỆN BIÊN T.ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG TIỂU HỌC SỐ 2 XÃ MƯỜNG PỒN

Mạc Thị Sâm

PHÊ DUYỆT CỦA PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
(Đã kí)

Đặng Thị Ngọc Hà